

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/5/2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

-----  
Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2021/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021, về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E.

**Bị đơn:** bà Trần Thị Mai F, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Mai F tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 10/8/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203. Trong quá trình chung sống, ông và bà F thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Nay ông muốn được giải thoát nên tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà F. Về con chung ông bà có một con chung là Nguyễn Uyên H, (giới tính: nữ), sinh ngày: 02/11/2006, nguyện vọng sau ly hôn ông vẫn tiếp

tục giao con cho bà F nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn bà Trần Thị Mai F vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có mặt tại phiên hòa giải, không có bản tự khai, Tòa án không thu thập được lời khai, không hòa giải được.*

***Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về hôn nhân, ông Nguyễn Văn A được ly hôn bà Trần Thị Mai F; về con chung, giao con Nguyễn Uyên H cho bà F tiếp tục nuôi dưỡng, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản và nợ chung ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ông Nguyễn Văn A phải nộp án phí Dân sự về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Mai F có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung, ông bà có một con chung là Nguyễn Uyên H, (giới tính: nữ), sinh ngày: 02/11/2006, ông A đồng ý tiếp tục giao con chung cho bà F trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà F nhưng bà F vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị Mai F tự nguyện tìm hiểu sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 10/8/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A cho rằng, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà F không cùng ông gánh vác lo kinh tế gia đình, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay, ông bỏ về quê ở E mạnh ai nấy sống, bà F có đến Tòa án 02 lần, nhận được các giấy Aêu tập, thông báo của Tòa án nhưng không ký nhận, không đến Tòa án tham gia hòa giải; điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà F theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2]. Về con chung: ông bà có một con chung là Nguyễn Uyên H, (giới tính: nữ), sinh ngày: 02/11/2006, từ khi không sống chung bà F đã trực tiếp nuôi con, nay ông đồng ý tiếp tục giao con chung cho bà F trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung Uyên H cho bà F tiếp tục nuôi dưỡng và chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông A là phù hợp.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: nguyên đơn ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ** khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **2. Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn A đối với bà Trần Thị Mai F; ông Nguyễn Văn A được ly hôn bà Trần Thị Mai F.

Về con chung: ông bà có một con chung là Nguyễn Uyên H, (giới tính: nữ), sinh ngày: 02/11/2006.

Giao con chung Uyên H cho bà Trần Thị Mai F trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Văn A được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà F không được ngăn cản ông A trong việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí:** Ông Nguyễn Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự về Hôn nhân gia đình sơ thẩm, tại biên lai thu số 0003760, ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2021). Bị đơn bà Trần Thị Mai F vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND nơi các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bính**

**Lưu Thị Thôi**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**